

MÔ HÌNH PHẬT - THÁNH QUA CHÙA BỐI KHÊ - ĐẠI BI (HÀ TÂY)

NGUYỄN QUỐC TUẤN (*)

Người viết dùng cụm từ *mô hình Phật - Thánh* để nói về hiện tượng một số ngôi chùa ở châu thổ Bắc Bộ có nội dung hỗn hợp tôn giáo, trong đó lấy chùa Bối Khê - Đại Bi, thuộc tỉnh Hà Tây, làm chỗ dựa chính.

Trong cụm từ *mô hình Phật - Thánh*, cần xác định hai khái niệm *Phật* và *Thánh* và vì sao lại có mô hình này. Sử dụng từ *mô hình* trong trường hợp này, ý người viết muốn nói đến tính quy chuẩn từ bố trí kiến trúc đến nội dung tôn giáo ở loại chùa được khảo cổ học mệnh danh là *tiền Phật hậu Thánh* (cũng còn cách gọi *tiền Phật hậu Thần*), khiến nó trở thành một tổng thể ổn định, tương đồng về nội dung tôn giáo, trong phạm vi của vùng châu thổ Bắc Bộ.

ĐẠO BƯỚC TRONG LỊCH SỬ

Cần lướt lại lịch sử tôn giáo Việt, lấy ra trong thư tịch cũ một số cứ liệu liên quan đến mô hình. Tiếc thay, sử liệu không ghi nhận các sự kiện rõ ràng và có căn cứ. Do vậy, nhận định của chúng tôi về các sự kiện liên quan đến mô hình không khỏi có phần võ đoán. Cái có thể làm được lúc này là chấp nối các sự kiện có trong thư tịch, trong các nghiên cứu, qua đó thử vạch lại lộ trình của mô hình đang bàn, cố nhiên là trên nét tổng quát.

Ngược thời gian, khoảng thế kỉ I, II sau Công nguyên, nếu chấp nhận ghi chép cũ là xác thực, dường như đã thấy có hiện tượng hỗn hợp tôn giáo. Đó là trường hợp "chùa" Tứ Pháp, một hiện tượng tôn giáo bản địa

làm cuộc hôn phối với các tôn giáo ngoại sinh: một bên là nhánh của Bà La Môn giáo cộng Phật giáo và bên kia là tín ngưỡng và thực hành nghi lễ nông nghiệp bản địa⁽¹⁾.

Đến thế kỉ X, XI qua một số bộ sử⁽²⁾, có thể biết được từ nhà Đinh đến Trần, các tôn giáo gốc Hoa, Ấn du nhập vào Việt Nam đã hướng tới phương châm *tam giáo đồng nguyên*, trở thành khuynh hướng chủ đạo trong đời sống tư tưởng và tôn giáo, nổi lên trên bề mặt sinh hoạt xã hội. Đây là dấu hiệu cho thấy tam giáo (Khổng giáo, Đạo giáo, Phật giáo) lúc này đã ghi dấu thời Tống, với đặc điểm kết hợp các nền học lí và các cách thực hành (nổi lên ở Việt Nam là kết hợp Mật - Tịnh - Thiên, Đạo giáo pháp thuật - phù thủy - một chút thần tiên, Khổng giáo nhà nước). Các tầng đạo có ảnh hưởng rất lớn trong cả những vấn đề chính trị và xã hội. Việc sư Vạn Hạnh giúp lập nhà Lý là ví dụ nổi bật.

Mặt khác, cũng thư tịch cũ, lại cho biết một "thực tế" khác: suốt nhiều thế kỉ sau Công nguyên, ở người Việt vẫn tồn tại loại

*. NCV. Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Về phần mình, chúng tôi đã có bài *Thăm lại Lăng chùa Dâu* trong cuốn: *Những phát hiện mới về khảo cổ học 1996*, viết chung với một số tác giả, trong đó đã nói về vị Thạch Quang Phật ở chùa Dâu.

2. Chẳng hạn, xem: Ngô Sĩ Liên. *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, bản dịch, T. 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972; Phan Huy Chú, *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*, bản dịch, T.1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992, tr. 442 - 443.

tôn giáo bản địa, được mệnh danh là *Hồn Linh giáo* (animisme), mà nội dung cơ bản trong trường hợp người Việt là tín tưởng nông nghiệp (tổ tiên, phồn thực, thờ cây, đá, đất, Mặt Trời, Mặt Trăng, mây, mưa, sấm, chớp...), cùng các nghi lễ diễn xướng định kỳ và bất thường.

Có thể biết đã có sự hòa nhập, vay mượn lẫn nhau giữa các tôn giáo du nhập và bản địa, hoặc về từ ngữ, khái niệm, hoặc về thực hành, nhất là những thực hành có tính pháp thuật, phù chú, sấm kí, tiên tri, những thực hành được cả người quý tộc lẫn bình dân ưa chuộng. Trong không khí đó, có thể nảy sinh một sự kết hợp có tính khởi đầu của hiện tượng hỗn hợp Phật - Thánh. Qua những gì đã biết, ta thấy sự kết hợp giữa các tín điều và thực hành tôn giáo của người Việt luôn đặt trên nền tảng xem mọi đối tượng thiêng đều có giá trị ngang nhau. Có thể thấy đây là đặc thù của đời sống tôn giáo Việt.

Thế nên, đến thế kỉ X, thời điểm chúng tôi tạm coi là mốc đầu của mô hình hỗn hợp Phật - Thánh, đã có màn dạo đầu không ngắn. Việc phải đến sẽ đến. Thế kỉ XI, các vua Lý chủ động tạo ra hỗn hợp khi một mặt, về danh nghĩa, đề cao tam giáo cả về học thuyết lẫn thực hành, chăm lo xây cất chùa, quán, đàn..., thậm chí sai đem tượng Phật vào quán để thờ; song mặt khác, trong thực tế, sử dụng các nghi lễ của các tôn giáo đó đáp ứng nhu cầu nông nghiệp và dân sinh thiết yếu: cầu đảo khi có hạn hán, lụt lội; hay tổ chức các hội lễ mừng thọ, hội đua thuyền đơm màu sắc Phật giáo, Đạo giáo; hay cầu tự cho nhà vua, hoặc cầu pháp sư chữa bệnh, v.v... Vị thần hay được các vua Lý, Trần thường cầu đảo là Pháp Vân⁽³⁾ và một số vị thần khác, trong đó có Thánh Bối chùa Bối Khê - Đại Bi, như phần sau sẽ nói đến. Các vua nhà Lý, nhà Trần rất chú trọng thực hành Đạo giáo, hay đúng hơn là Đạo giáo - pháp thuật và

tôn sùng Mật giáo⁽⁴⁾. Tam giáo dường như trôi về mặt thực hành, ít về tư biện siêu hình, nếu lại căn cứ vào thư tịch. Chúng, thích nghi bằng tái cấu trúc hệ thống, trở thành một “hệ thống” khác so với nguyên gốc, như lí thuyết “tiếp biến văn hóa” mà Hà Văn Tấn đã chủ trương vào những năm 80.

Tình trạng trên ít biến đổi, xét về thực chất, ở các triều đại sau. Dù chính sử hay tư sử đều cho biết vào thời Hậu Lê, Khổng giáo nổi lên như một học thuyết và tôn giáo chính thức. Song nếu căn cứ vào các nguồn sử liệu vật chất nhất là bi kí và các di tích hiện tồn tại, có quyền nghĩ đến không riêng Khổng giáo thịnh vượng và được tôn sùng. Tài liệu điền dã riêng của tôi, tại khá nhiều địa phương, cho thấy nho sĩ, đại biểu của Khổng giáo, khi sống trong làng mạc, đã tham gia tích cực vào việc gây dựng các thân tích, hoặc thực hiện một số hành vi tôn giáo, mà khi đương nhiệm trong bộ máy nhà nước, hay vì giáo điều, họ vẫn che giấu và cấm đoán. Họ không thắng nổi tập quán pháp (lệ làng) và truyền thống coi trọng các đáng linh thiêng như nhau của làng quê bản quán. Cũng tài liệu điền dã còn cho thấy rõ hiện tượng phổ biến: chính hoàng tộc, quan quyền, đặc biệt là các mệnh phụ phu nhân đã cúng dường rất nhiều vào các nơi thờ tự, tức làm trái với những tín điều của Khổng giáo. Ví dụ ở chùa Bối Khê khá rõ, một bà phi thời Lê Trung Hưng đã hằng tâm hằng sản cúng ruộng và tiên tu bổ, gửi hậu ở chùa. Thời Mạc càng không kể hết việc vua quan tham gia tu bổ và cúng dường các cơ sở thờ tự. Triều Nguyễn cũng vẫn bảo lưu cội tục.

3. Xem: Ngô Sĩ Liên. *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, Sđd, tr. 235, 249...

4. Xem: Hà Văn Tấn. *Về một nghi lễ Mật giáo qua bia tháp Sùng Thiện Diên Linh thời Lý*, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2, 2000, tr. 31.

Có thể nói, trong suốt thời gian ấy, hỗn hợp Phật - Thánh (vì chỉ quan tâm đến hỗn hợp này) không chỉ được người bình dân tôn thờ, mà cả nhà nước cũng vậy. Do đó, việc chia tách thành tôn giáo nhà nước và tôn giáo bình dân đôi khi có giá trị học thuật hơn là thực tế.

Trong suốt thời kì Đại Việt hơn một nghìn năm, các hiện tượng hội hiệp tôn giáo không những không giảm bớt, mà ngược lại, và trở thành khuôn mẫu cho mọi hội nhập thiêng hóa về sau. Cao Đài giáo hình thành vào những năm 20 của thế kỉ này là ví dụ.

VỀ KHÁI NIỆM

Đạo nhẹ nhàng trong lịch sử để quay lại với việc xác định nội hàm của các khái niệm *Phật*, *Thánh* trong mô hình. Xin không theo lối bàn luận trừu tượng, mà soi rọi chúng dưới ánh sáng quan niệm của người nông dân, và sau đó là khảo cổ học, kĩ thuật học - tôn giáo.

Trước hết là khái niệm Phật. Phật, dưới mắt người dân làng Việt nói chung, không bao hàm tên tuổi cụ thể của bậc phật nào, chỉ là ngôi phật nói chung. Đến lượt, ngôi phật ấy theo nhãn quan người dân thường không khác gì ngôi thần⁽⁵⁾, dĩ nhiên là loại thần khác mà thôi.

Khái niệm thánh cũng được hiểu trong trạng thái mơ màng như khái niệm phật. Khái niệm này ở Trung Quốc có nội hàm phong phú và mang tính duy lí rõ rệt⁽⁶⁾. Liếc một cuốn từ điển Hán - Việt, có thể biết chữ thánh dùng để chỉ *con người hiểu thấu mọi việc, người có học thức và đạo đức rất thâm cao*⁽⁷⁾.

Ở người Việt, khái niệm này hay đi cặp với khái niệm thần, tạo thành cặp ghép thánh thần hay thần thánh. Thánh, trong nghĩa ghép, thực sự có tính thần linh, theo

nghĩa mẫu nhiệm, biến hóa ban phúc giáng họa. Đa số người dân làng quê không (cần) hiểu và không (cần) vận dụng cách diễn giải khái niệm thánh theo nghĩa nguyên. Giống như ngôi phật, ngôi thánh là một loại thần linh.

Sự hiện diện của các ngôi thần, phật, thánh trong các làng Việt được phô bày trước hết ở các kiến trúc tôn giáo: chùa, quán, đền, miếu, phủ, văn chỉ, võ chỉ, từ đường... Chúng không khác nhau nhiều về kiểu thức kiến trúc, mà khác về cấu trúc mặt bằng, như một số nghiên cứu đã chỉ ra⁽⁸⁾. Sự đồng đảo của nhiều kiến trúc tôn giáo trong một làng nói lên rằng phật, thánh cũng là thần linh, có chức năng phù hộ, độ trì cho chúng sinh, cứu vớt họ, không hàm nghĩa giáo lí của nhà tu hành và học lí trí thức. Đấy có thể là lí do chủ yếu để tạo ra một hỗn hợp Phật - Thánh: thay vì tách riêng rẽ đối tượng thờ phượng và cầu xin thì nay người ta kết hợp lại, thay vì mỗi thần có chức năng tâm linh riêng thì nay các ngài phối hợp với nhau để đáp ứng nhu cầu mà người nông dân, trước những bất trắc của tự nhiên và xã hội, xin được che chở, hộ trì, ban phúc giáng họa. Có thể xem đây là bằng chứng phối hợp nhu cầu

5. Về chữ Thần và khái niệm thần, có thể tham khảo: H. Maspero. *Đạo giáo và các tôn giáo Trung Quốc*, bản dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, phần IV, *Phật giáo*.

6. Xem: H. Maspero. *Đạo giáo và các tôn giáo Trung Quốc*, Sđd; hay một số cuốn sách chuyên khảo khác.

7. Đào Duy Anh. *Hán - Việt từ điển*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992.

8. Chẳng hạn, xem:

- L. Bezacier. *Relevés de monuments anciens du Nord Việt-Nam*, Paris, 1959;

- Nguyễn Hồng Kiên. *Kiến trúc gỗ cổ truyền Việt*, Tạp chí *Kiến trúc*, số 3 (59), 1996;

- Trần Lâm, Nguyễn Hồng Kiên. *Những thành phần bao che trong kiến trúc gỗ cổ truyền của người Việt*, Tạp chí *Kiến trúc*, số 3 (77), 1999.

tâm linh, nhưng không muốn thiếu một thành phần nào, nhằm mục đích huy động tối đa sự bảo trợ.

Tuy nhiên, chứng cứ khảo cổ học và kĩ thuật học - tôn giáo lại cho biết khía cạnh khác về hai khái niệm này.

Nếu những vị phật, thánh trong mắt của người dân là những vị thần, thì giờ đây, qua khảo cổ học - tôn giáo, kĩ thuật học - tôn giáo..., ta có thể “đọc” hỗn hợp Phật - Thánh khá cụ thể: hãy tựa vào chùa Bối Khê - Đại Bi, rồi nhìn rộng ra một số chùa cùng loại. Trường hợp chùa Bối Khê - Đại Bi thì hỗn hợp Phật - Thánh là Quan Âm - Đức Minh Chân Nhân; chùa Keo - Thân Quang là Mật (Thiên?) - Thánh Dương Không Lộ; chùa Thầy - Thiên Phúc là Mật - Thiên - Thánh Từ Đạo Hạnh... Như vậy, ta thấy hỗn hợp Phật - Thánh là đa dạng.

Xin nói riêng về hai thánh: Thánh chùa Keo - Dương Không Lộ và Thánh Bối - Nguyễn Bình An. Thánh đầu là nhân vật đặc biệt trong lịch sử tôn giáo Việt Nam, đã được ghi chép ở thư tịch⁽⁹⁾. Gác sang bên lịch sử truyền thừa và các cuộc tranh luận về nhân vật thiên sư này⁽¹⁰⁾, nổi lên giai thoại trong hành trạng: ngài có pháp thuật cao cường, qua sự kiện sang nước Tống vét hết đồng của Trung Quốc mang về đúc bảo khí của Việt Nam. Vết chân của ngài cũng để lại nhiều nơi trên đất Nam Định, Thái Bình ngày nay⁽¹¹⁾.

Thánh chùa Bối là dạng kết hợp: vừa là khổng lồ, đồng thời vừa có pháp thuật hô phong hoán vũ, biến hóa thần thông (bước ba bước từ núi Tiên Lữ đến Bối Khê, nay vẫn còn dấu tích ở ba nơi). Ngài cũng có tính cách phi thường, như một dị bản về hành trạng của ngài sư tầm được ở vùng chùa Trăm Gian (Quảng Nghiêm Tự), cho rằng ngài đã thu cả kho đồng bên Trung Quốc để đúc chuông, giống như

trường hợp Dương Không Lộ. Ngài còn giúp vua Lê Thái Tổ đánh giặc Minh, làm mưa máu (huyết vũ) để tiêu diệt quân Minh. Khi ngài mất, cầu đảo xin mưa, chống lụt, xin có con đều ứng nghiệm.

Hai vị thánh cho thấy đều làm những việc phù trợ dân, cứu nước, tôn vinh đất nước. Hay nói cách khác, chính sự cầu mong những bậc siêu việt ra tay cứu giúp dân lành là ước nguyện của người xưa, đã tạo dựng và tin tưởng hai vị thánh có phép lạ. Hai vị đều có dính dáng đến nhà Lý, Trần, hay có thể nói, các vị được tạo dựng vào thời kì đầu của Đại Việt, một thời kì các tôn giáo còn đóng vai trò quan trọng không chỉ trong địa hạt tinh thần.

Điểm qua hai vị thánh Việt, cốt chỉ muốn nói các vị là một loại thần hóa, để thấy cái quy tắc kết hợp Phật - Thánh là có lí do: kết hợp các vị thần của những chức năng khác nhau. Hai vị thánh này được thần thoại hóa, được định vị văn bản bởi nhà nho, nhà sư. Nhưng không thể không nói đến vai trò của Đạo giáo trong việc tạo ra hình ảnh hai vị: cả hai vị thánh trên có tính cách thần thông quảng đại rất rõ.

Tóm lại, thánh của người Việt không hoàn toàn giống thánh Trung Quốc. Do đó, cũng có thể gọi đó là một đặc tính riêng của người Việt trong tư duy tôn giáo. Qua đó, cũng có thể thấy tính chất trội trong thờ phụng của người Việt: thần linh bao giờ

9. Xem: *Thiên Uyển Tập Anh*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1993.

10. Có hai thuyết về thánh chùa Keo, một thuyết cho là Dương Không Lộ, một thuyết cho là Nguyễn Minh Không, chúng tôi theo thuyết Dương Không Lộ. Xem: Đặng Hữu Tuyên. *Chùa Keo: Lịch sử và nghệ thuật*, Luận án Phó Tiến sĩ khoa học lịch sử, hiện lưu tại Thư viện Viện Khảo học, kí hiệu TL/160.

11. Xem: Đặng Hữu Tuyên. *Chùa Keo: Lịch sử và nghệ thuật*, Sđd.

cũng chiếm vị trí áp đảo so với các đấng thiêng khác.

Về phần phật, qua Bối Khê - Đại Bi, thấy rõ ngôi Quan Âm Bồ Tát⁽¹²⁾ là trung tâm của phật điện (Tam Bảo). Tên chữ Đại Bi Tự⁽¹³⁾ cũng đã nói lên điều này. Pho Quan Âm Thiên Thủ (không có Thiên Nhãn) tại chùa được xác định niên đại mang phong cách nghệ thuật Mạc, thuộc vào nửa cuối thế kỉ XVI. Trong số Lục Quan Âm ta chú ý đến Thiên Thủ Thiên Nhãn Quan Âm. Tượng này thường diễn tả trạng thái nguyên thủy của vị Quan Âm này: ở một kiếp xa xưa, khi nghe Thiên Quang Vương Tịnh Chú Như Lai giảng kinh *Đại Bi Tâm Đà La Ni*, thì Quán Thế Âm bèn phát thệ nguyện đem lại lợi ích cho chúng sinh, lập tức trên mình Quán Thế Âm hiện 1000 tay tượng trưng cho bảo vệ và 1000 mắt tượng trưng nhìn khắp thế giới. Tại Trung Quốc, ngẫu tượng Quan Âm có nhiều biến thể, có loại 40 tay, mắt và loại 1000 tay, mắt, bằng chất liệu gỗ, đồng. Đáng chú ý là các tay đều cầm các pháp bảo (ở Việt Nam không có hiện tượng này). Ở chùa Việt Bắc Bộ, các ngẫu tượng Quan Âm toàn bằng gỗ. Pho Quan Âm chùa Bối Khê - Đại Bi là một trong số những pho đẹp của nghệ thuật Phật giáo Việt.

TIỀN PHẬT HẬU THÁNH: MÔ HÌNH HỖN HỢP, VÍ DỤ CHÙA BỐI KHÊ - ĐẠI BI

Khi đã hiểu phần nào tính chất thực của Phật, Thánh trong mắt người nông dân, trong sự kết hợp tôn giáo, ít nhiều ta có cơ sở để soi rọi hỗn hợp Phật - Thánh chùa Bối Khê - Đại Bi.

Sự tích Thánh Bối thuộc về hai làng Bối Khê, Phúc Khê (trước thời Tự Đức là Hồng Khê). Đây là từ một làng tách thành đôi, có thể bắt gặp ở Bắc Bộ khá nhiều. Cả hai đều tham gia vào việc tạo dựng Thánh Bối, Nguyễn Nữ⁽¹⁴⁾, tự Bình An, hiệu Đức Minh Chân Nhân. Song nói đến Thánh Bối, bao

giờ ta cũng sẽ phải đề cập đến chùa và làng Sở, hay Trăm Gian - Quảng Nghiêm Tự, bởi chính Thánh Bối là người mở mang chùa này. Điều đáng chú ý là các văn bia, sắc phong về Thánh Bối ở hai chùa Bối Khê - Đại Bi và Trăm Gian - Quảng Nghiêm đều gọi ngài là Bồ Tát, là Chân Nhân (tuy nhiên từ Hậu Lê, lại dùng từ Chân Tu)⁽¹⁵⁾.

12. Về Quan Âm Bồ Tát, có thể tham khảo nhiều sách. Xin đưa ra hai cuốn:

- Mã Thư Điền. *Toàn tượng Trung Quốc tam bách thần*, tiếng Trung, Nxb Mỹ thuật Giang Tây, in lần thứ 4, 1995;

- Quách Đàm. *Thánh phàm thế giới*, tiếng Trung, Nxb. Nhân dân Tứ Xuyên, 1995.

Những tài liệu tham chiếu về Quan Âm dẫn từ hai cuốn này đều được sự giúp đỡ của PGS. Nguyễn Duy Hình.

13. Về tên gọi này, Mã Thư Điền đã tập hợp khá công phu và cho biết, Mật giáo có 6 vị Quan Âm: Thiên Thủ Thiên Nhãn Quan Âm, Thánh Quan Âm, Mã Đầu Quan Âm, Thập Nhất Diện Quan Âm, Chuẩn Đề Quan Âm, Như Ý Luân Quan Âm. Thiên Thủ Thiên Nhãn còn gọi là *Đại Bi Quan Âm*, tức theo Mật Kinh *Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni*. Xem: Mã Thư Điền. *Toàn tượng Trung Quốc tam bách thần*, Sđd, tr. 270. Chung quy, có hai tông phái Trung Quốc rất hâm mộ Quan Âm Bồ Tát, đọc đủ phải là Quán Thế Âm Bồ Tát (Avalokiteśvara Bodhisattva) là Tịnh Độ Tông và Mật Tông. Hai tông phái này đều có mặt ở Việt Nam vào thời Lý, Trần như đã ít nhiều nói trên. Quan Âm từ thời Đường, và về nghệ thuật, từ thời Tống đã trở thành phụ nữ, trong khi ở Ấn Độ là dạng nam giới. Về Quan Âm có đến 33 hóa thân khác nhau, hoặc xuất phát từ kinh, hoặc xuất phát từ phật thoại. Và về tượng cũng phong phú không kém. Trong số đó, chúng ta chú ý đến *Lục Quan Âm*.

14. Về họ và tên của đức Thánh Bối, trong bia *Bối Động Thánh Tích Bi Kí* khắc năm Thái Hòa thứ 11 (1453), và đến năm Thành Thái thứ 9 (1897) trùng san, họ của Thánh Bối là Nguyễn, tên Nữ. Tên của Thánh cho thấy ngài là phụ nữ. Linh tượng của ngài ở chùa Bối Khê hiện tại cũng cho thấy như vậy. Họ Nguyễn của Thánh Bối là một vấn đề nghiên cứu lí thú.

15. Về khái niệm Chân Nhân, có thể tham khảo H. Maspero, *Đạo giáo và các tôn giáo Trung Quốc*, Sđd; Về khái niệm Bồ Tát, xin xem mục này trong Đoàn Trung Còn. *Phật học từ điển*, Sài Gòn, 1963.

Tiểu sử của Thánh Bối, lược theo văn bia, cho phép ta nói hành trạng chính: ngài sinh vào đầu nhà Trần, từ nhỏ đã có chí tu hành, không chỉ tu hành đến bậc bồ tát mà còn là một đạo sĩ luyện đan, có pháp thuật. Trong *Thánh Tích Bối Động Bi Ki*, ta thấy bài minh, mở đầu bằng những câu:

Phiên âm:

Bối Động giáng thân
 Tiên phong hiển thánh
 Pháp hội lục thông
 Đạo cao tam thặng
 Tử cấm thượng tân
 Đan nhai luyện tính
 Túc địa tích phi
 Thoát trần mộng tỉnh

...

Dịch nghĩa:

Động Bối Khê có thân giáng
 Ngọn núi Tiên (Lữ) có vị thánh hiển
 Hội đủ các pháp lục thông
 Đạo cao ba thặng
 Sắc núi tía đai khách quý
 Đan sườn núi luyện tính

...

Đồng thời ngài cũng đã được gán cho những phẩm chất của vị thần khổng lồ như với ba bước chân đi từ núi Tiên Lữ về đến Bối Khê để lấy cà muối cho thợ làm chùa Trăm Gian ăn, với nồi cơm nhỏ nhưng ăn mãi không hết (mô típ nồi cơm Thạch Sanh). Ngài dựng chùa Trăm Gian. Ngài giúp vua Lê Thái Tổ đánh thắng giặc Minh. Năm 95 tuổi, ngài nhập khâm để hóa thân, thi hài ngài sau bị giặc Minh đốt mất, nhưng đã được làm lại. Theo một truyền thuyết ở hai làng Bối Khuê và Sở ngài được Long Vương truyền cho bộ kinh *Đạo Vũ* và lại truyền cho hậu thế theo đó cầu đảo. Sau khi ngài hóa, sự cầu đảo nơi thờ ngài rất linh ứng.

Như vậy, qua Thánh Bối, ta đi đến một trong những vấn đề cơ bản của lịch sử tôn giáo Việt Nam thời Trần, hay trước đó là thời Lý, là Đạo giáo nào có mặt? Trên kia chúng tôi đã dùng thuật ngữ Đạo giáo pháp thuật, nhưng với trường hợp Thánh Bối, ta có thể nói thêm Đạo giáo ngoại đan cộng tu tiên. Chỉ tiết ngài thọ gần 100 tuổi cho thấy ngài còn là nhà dưỡng sinh.

Trên kia, chúng tôi đã nói dường như Mật tông (hay còn gọi là Chân Ngôn tông, Mật giáo) khá mạnh, rất được người Việt đương thời tin tưởng và thực hành⁽¹⁶⁾. Tông phái này có thể dễ tìm gặp Đạo giáo, bởi tính chất pháp thuật của cả hai thích hợp với nhau. Đề cao pháp thuật đã đáp ứng được nhu cầu của người nông dân coi sự phù phép và huyền bí là những phương tiện cứu vớt hữu hiệu, cũng là sự trừ khử hữu hiệu đối với những điềm xấu, những ác thần, ma quỷ. Đạo giáo ở Việt Nam thể hiện rõ khuynh hướng phù phép và bùa chú và không xây dựng cho mình một thần điện hoàn chỉnh riêng. Trường hợp Nội Đạo Tràn về sau là một ví dụ. Vậy có thể cho mô hình Phật - Thánh ở chùa Bối Khê - Đại Bi, hay cũng như ở các chùa cùng loại về cơ bản là Mật tông - Đạo giáo pháp thuật là chính và với Mật tông, tùy theo sơn môn mà Quan Âm và các vị Phật khác là trung tâm của Tam Bảo.

Đời sống tôn giáo thời Lý, Trần đã hạ sinh một vị Thánh có nhiều điểm hỗn hợp như đã nói ở trên. Đặc biệt, hãy chú ý ở nhà Trần đã ra đời một thiên phái Việt: Thiên phái Trúc Lâm. Có nhiều nghiên cứu về thiên phái này, song chúng tôi lưu ý đến một ý kiến xem thiên phái Việt này là sự kết hợp Phật - Đạo thông qua nhân vật đặc biệt là Tuệ Trung Thượng sĩ. Có lẽ ông là

16. Xem: Hà Văn Tấn. *Về một nghi lễ Mật giáo qua bia tháp Sùng Thiện Diên Linh thời Lý*, Sđd. Cũng xem: Junjiro Takakusu. *Các tông phái của đạo Phật*, bản dịch của Tuệ Sĩ, Tu thư đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn, 1973.

người đại diện cho khuynh hướng kết hợp độc đáo trong thời đại mình. Và nếu đã có một con người bằng xương bằng thịt được chứng minh rất thuyết phục rằng ông là người của cả hai lý thuyết Phật giáo và Đạo giáo, thì có gì là lạ khi Thánh Bối cũng có những phẩm chất như thế⁽¹⁷⁾. Lẽ tất nhiên, Thánh Bối đượm màu thần thoại, cũng có nghĩa là sản phẩm hình dung của người dân. Vậy chúng ta có lý do để tin vào hiệu Bồ Tát Chân Nhân của Thánh Bối. Thực ra, thời Lý đã có một nhân vật rất quen thuộc là Từ Đạo Hạnh, người được liệt vào hàng các vị thiền sư thuộc phái Tì Ni Đa Lưu Chi, song cũng có thể liệt ông vào hàng ngũ các nhà Mật giáo. Chi tiết rất đáng lưu ý trong *Thiền Uyển Tập Anh*: ông có pháp thuật cao cường, chuyên trì chú kinh *Đại Bi Tâm Đà La Ni*, song cũng biết tham vấn về chuyện phật tâm, cho phép tin rằng ông cũng là một đại biểu xứng đáng cho khuynh hướng kết hợp tôn giáo, nhưng thay vì như đức Thánh Bối là kết hợp Phật - Đạo, thì ở ông là kết hợp Thiên - Mật - Đạo. Có thể dẫn hai trường hợp này chưa đủ, song xin nhắc lại, khuynh hướng kết hợp tôn giáo trong các triều đại Lý và Trần là một sự thực, hơn nữa, là một sự thực bị bỏ qua, bởi người ta vẫn tin chỉ có Phật giáo mới là tôn giáo được tôn sùng trong hai triều đại ấy mà thôi. Dầu còn nhiều bước phải làm tiếp, song nếu giải quyết vấn đề cơ bản của tôn giáo Việt Nam trong thời kỳ Lý và Trần theo hướng như vậy sẽ cho phép hình dung ra việc có một Thánh Bối chuyên chở sự hỗn hợp tôn giáo, mà không sợ nói quá lời.

Riêng về Quan Âm ở Hà Tây, đã có nhận xét rằng, phần lớn những ngôi chùa nằm dọc theo sông Đáy có ngôi Quan Âm thuộc trung tâm Tam Bảo⁽¹⁸⁾. Do đó, có khuynh hướng gọi Quan Âm ở đây là Quan Âm Nam Hải. Nhận xét này dựa vào vai trò rất lớn của các con sông trong đời sống kinh tế, xã hội và trong đời sống tôn giáo

Đại Việt. Song nếu dựa vào một số tài liệu của Trung Quốc thì Quan Âm Nam Hải có một lịch sử thú vị⁽¹⁹⁾, bởi theo chúng tôi nghĩ, các phật thoại Trung Quốc đã có ảnh hưởng ở người Việt khá đậm và sớm. Tuy nhiên, có thể sự biến hóa của Quan Âm đã khiến người Việt lấy lại hình ảnh núi Phổ Đà (đạo tràng của Quan Âm) ở biển Hoa Nam của Trung Quốc thành ra biển của nước ta. Một lý do nữa: với hình ảnh là một phụ nữ, thì Quan Âm dễ gắn với truyền thống Việt, một truyền thống rất tôn thờ các nữ thần, coi trọng tư cách người phụ nữ trong gia đình. Ta cần lưu ý tên thật của Thánh Bối - Nguyễn Nữ, và linh tượng của ngài có hình dạng của một người phụ nữ.

Tuy nhiên, dù đã xuất hiện ở Trung Quốc và Việt Nam rất sớm (riêng Việt Nam từ thời Lý đã có thờ riêng rẽ tượng Quan Âm, chưa kết hợp với A Di Đà), song các pho tượng Quan Âm còn thấy hiện nay lại chỉ được xác định có sớm nhất trong các ngôi chùa Việt Bắc Bộ vào thế kỷ XVI. Đó cũng là một câu hỏi khác được treo trước các nhà nghiên cứu.

Chúng tôi nghĩ Quan Âm đã có ít nhất hai chặng đường tại Việt Nam, một vào thời Lý chưa có gì khác với quan niệm Quán Thế Âm nói chung, và hai là chặng thời kỳ Hậu Lê - Mạc, thời kỳ khá sôi động về thương mại trong và ngoài nước đã thúc đẩy rất mạnh việc thờ cúng Quan Âm Nam Hải, đặc biệt dọc theo các con sông là đường giao thông lưu thông hàng hóa chủ yếu. Và nếu tin vào giả thiết này thì pho

17. Xem: Nguyễn Duy Hinh. *Tuệ Trung Nhân sĩ Thượng sĩ Thi sĩ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998. Đặc biệt xem *Chương hai: Tuệ Trung Thượng sĩ*.

18. Về phân bố và nghệ thuật các pho Quan Âm, có thể xem: Trần Lâm Biên. *Hình tượng con người trong nghệ thuật tạo hình truyền thống Việt*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội, 1993, tr 89 - 94.

19. Cũng xem: Mã Thư Điền. *Toàn tượng Trung Quốc tam bách thân*, Sđd, tr. 226.

Quan Âm Nam Hải tại chùa Bối Khê - Đại Bi, được định niên đại theo phong cách thuộc thế kỉ XVI, có thể thay thế pho Quan Âm nói chung. Như vậy, có thể nói về mặt học lí, nếu từ thời nhà Lý đã có sự kết hợp Phật - Thánh, song chưa có kết hợp về ngẫu tượng, thì đến chùa Bối Khê, người xưa đã cho hai vị tọa lạc chung trong một kiến trúc, hay đúng hơn là một quần thể kiến trúc theo kiểu *nội công ngoại quốc*, để tạo thành cấu trúc mặt bằng ổn định cho đến bây giờ. Các niên đại kiến trúc tòa Thượng Điện và Cung Thánh dường như cũng ủng hộ luận điểm của chúng tôi: niên đại Cung Thánh chùa Bối khởi dựng ít nhất là trước năm 1694 và có hai lần trùng tu vào thế kỉ XVIII và thế kỉ XIX. Cộng với tòa Thượng Điện được định niên đại khởi dựng vào khoảng trước năm 1338, có thể giả thiết rằng từ thế kỉ XVI, hai kiến trúc này đã được nối với nhau thành một thể, dù trước đó, chúng là những kiến trúc độc lập đặt cạnh nhau. Văn bia *Đại Bi Tự*, khắc năm Hồng Thuận thứ 7 (1515) tại chùa cho biết vào thời vua Lê Tương Dực, chùa đã được tu bổ theo “chế độ mới”, quy mô hơn. Vậy có thể giả thiết chính cuộc tu bổ đó đã nối hai kiến trúc Thượng Điện và Cung Thánh nằm cạnh nhau thành một thể. Thời Mạc ngay sau đó cũng tiến hành tu bổ nhiều, song cơ bản chế độ mới là từ lần ấy. Dấu vết của các cuộc trùng tu lớn thời Mạc vẫn hiện diện với những viên gạch khắc hình rồng, phượng, sư tử, có thể cả kết cấu vì kèo Thượng Điện... tại chùa. Hiện tại, chùa Trăm Gian - Quảng Nghiêm cũng lưu giữ được một bệ đất nung thời Mạc rất có giá trị so sánh cho chùa Bối Khê - Đại Bi.

Như vậy, chúng tôi đã ít nhiều chứng minh sự kết hợp của mô hình Phật - Thánh trên các phương diện nhãn quan người dân, học lí cũng như một phần kiến trúc và nghệ thuật tạo hình. Sự ra đời và tồn tại của mô hình là một quãng thời gian không ngắn, tuân theo những “quy luật” của tâm linh

Việt, cả người quý tộc và người bình dân.

Điều đó cũng đã thể hiện ở hội chùa Bối. Hội chùa thực ra cũng là hội làng. Thánh Bối không chỉ có hai cụ xã Tam Hưng và Bối Khê thờ phụng, mà còn nhiều hơn: gồm mười bốn “xã” (làng) trong tổng Bối Khê, Chân Giáo cùng thờ. Chưa kể đến các làng xung quanh chùa Trăm Gian thuộc tổng Tiên Lữ cũ. Hội chùa Bối Khê thực chất là hội vùng, giống như hội làng Phù Đổng. Hội chùa Bối Khê là dịp diễn tả lại hành trạng của Thánh Bối, đặc biệt là về phương diện lễ nghi nông nghiệp. Chính hội bắt đầu vào 13 tháng Chạp năm trước, rồi qua ngày 4 tháng Giêng âm lịch cử hành tại chùa Trăm Gian, và đến ngày 12 tháng Giêng thì quay về làng Bối để cử hành chính thức. Cũng như các làng, vùng khác, hội chính diễn ra tùy theo năm làm ăn thịnh vượng, còn không thì hàng năm cử hành hội lệ. Thời gian cử hành hội làng Bối như vậy liên quan đến thời gian Thánh Bối chuẩn bị mất (ngày 13 tháng Chạp là ngày ngài nhập khám để chuẩn bị hóa tại chùa Trăm Gian), ngày hóa của ngài là mừng 1 Tết, và cả bốn làng xung quanh chùa này quyết định cùng làng Bối Khê mở hội vào ngày 4 tháng Giêng. Trong ngày hội có những cảnh diễn xướng mô tả nguyện vọng cầu mưa bằng chạy rồng của các làng, đốt pháo dàn hài thanh tiếng sấm, rước kiệu bát cống,... là những ước mong muôn thừa của người dân. Mặt khác, người dân các nơi đổ về lễ thánh và dự hội, thành phần bao gồm đủ các hạng người.

Chúng ta đã theo dõi mô hình Phật - Thánh trong chiều dài lịch sử thông qua một trường hợp tương đối tiêu biểu là chùa Bối Khê - Đại Bi và Đức Thánh Bối. Có thể nghĩ đây là một trong những vấn đề còn rất nhiều điều cần khai thác, để trong muôn một, hiểu thêm một phần đời sống tâm linh và văn hóa nói chung của người Việt./.